

Số: 1926/QĐ-LTT-KHTC Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo về việc ban hành “Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Đại biểu cán bộ, công chức, viên chức của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 11 năm 2015 về việc Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016;

Theo đề nghị của Trường phòng Kế hoạch - Tài chính Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016” của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016, các quyết định trước đây trái với Quyết định này không còn hiệu lực.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở GD và ĐT TP.HCM (để báo cáo);
- Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở GDĐT;
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- Kho Bạc Nhà nước quận Tân Bình;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, PKHTC.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2016

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-LTT-KHTC ngày 22 tháng 12 năm 2015
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ để xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Luật số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về Ngân sách nhà nước và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;
2. Luật số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 về Kế toán và Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán;
3. Luật số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 về Bảo hiểm xã hội;
4. Luật số 12/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 về Công đoàn;
5. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
6. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021;
7. Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP;
8. Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 09 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
9. Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

10. Nghị định 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

11. Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

12. Thông tư 104/2013/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ;

13. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

14. Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

15. Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

16. Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức;

17. Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

18. Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

19. Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề;

20. Thông tư liên tịch số 40/2006/TTLT-BTC-BTTUBTWMTTQVN-TLĐLĐVN ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính - Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn về kinh phí bảo đảm hoạt động của ban thanh tra nhân dân;

21. Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức;

22. Thông tư số 33/2005/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập;

23. Thông tư liên tịch số 163/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế và xếp phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước;

24. Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập;

25. Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập;

26. Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao;

27. Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Quốc phòng - Bộ Công an – Bộ Tài chính quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh;

28. Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức;

29. Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ công tác giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp;

30. Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

31. Thông tư số 43/2003/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên giáo dục quốc phòng;

32. Công văn số 2367/DNNN ngày 03 tháng 8 năm 2004 của Tổng cục Thuế về việc xác định chi phí thực tế;

33. Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

34. Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

35. Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 08 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

36. Thông tư số 23/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

37. Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

38. Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

39. Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

40. Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

41. Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

42. Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

43. Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí;

44. Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

45. Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

46. Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

47. Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ về học tập đối với trẻ em, học sinh, sinh viên các dân tộc rất ít người theo quy định tại Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015”;

48. Thông tư số 44/2011/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục;

49. Thông tư số 11/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 44/2011/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

50. Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn giáo trình cho các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;

51. Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

52. Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

53. Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên

chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

54. Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

55. Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

56. Công văn số 3881/BGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nội dung, mức chi đối với hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên;

57. Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

58. Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật;

59. Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

60. Quyết định số 70/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chế độ hỗ trợ giáo viên dạy Giáo dục công dân, pháp luật và giáo viên kiêm nhiệm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

61. Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về một số chính sách đối với cán bộ, viên chức, nhân viên ngành y tế, giáo dục trên địa bàn quận - huyện thuộc Thành phố;

62. Thông tư số 81/2006/TT-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính;

63. Thông tư số 172/2009/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 81/2006/TT-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính;

64. Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra của cơ sở giáo dục đại học, trường trung cấp chuyên nghiệp;

65. Nghị định 108/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

66. Các văn bản quy phạm pháp luật khác và các văn bản hướng dẫn thi hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở - ban - ngành chức năng hiện đang áp dụng tại thời điểm xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

67. Quyết định số 1925/QĐ-LTT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên giảng dạy bậc Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp;

68. Quy định số 1928/QyĐ-LTT-TĐ ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn thi đua;

69. Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức, viên chức của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh đã được thông qua tại Hội nghị Đại biểu cán bộ, công chức, viên chức ngày 27 tháng 11 năm 2015;

70. Căn cứ vào nguồn tài chính của trường bao gồm nguồn từ Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác.

Khi các văn bản nêu tại Điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì phạm vi, đối tượng, điều kiện áp dụng được thực hiện theo các quy định đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho Thủ trưởng đơn vị.

2. Tạo quyền chủ động cho cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Là căn cứ để quản lý; thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát của Kho bạc Nhà nước; cơ quan cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra; kiểm soát theo quy định.

4. Sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

5. Công bằng trong đơn vị; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc, nội dung xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo hành lang pháp lý, Quy chế chi tiêu nội bộ do Hiệu trưởng ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị và ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong trường, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả, tăng cường công tác quản lý và phù hợp với hoạt động đặc thù của trường.

3. Những tiêu chuẩn, định mức chi sau đây nhà trường thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước không được phép điều chỉnh.

- a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.
- b) Tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc.
- c) Tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động.
- d) Chế độ công tác phí tại nước ngoài.
- đ) Chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.
- e) Chế độ quản lý và sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia.
- g) Chế độ sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.
- h) Chế độ, chính sách thực hiện tinh giản biên chế.
- i) Chế độ quản lý, sử dụng vốn đối ứng dự án, vốn viện trợ thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước.
- k) Chế độ quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định.

4. Trong trường hợp có những nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa được quy định trong Quy chế này, hoặc có sự thay đổi, Hiệu trưởng có thể bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội nghị liên tịch Nhà trường.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

* Quy chế này áp dụng cho các đơn vị trực thuộc trường, toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động của trường.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NGUỒN THU CỦA TRƯỜNG

Điều 5. Nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp

1. Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp chi hoạt động thường xuyên thực hiện nhiệm vụ hàng năm của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh do Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố giao.

2. Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp chi hoạt động không thường xuyên.

3. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất khác.

Điều 6. Nguồn thu sự nghiệp

1. Nguồn thu học phí của học sinh sinh viên chính quy bậc cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

2. Nguồn thu học phí của học sinh trường Trung học phổ thông Lý Tự Trọng.

3. Nguồn thu học phí của sinh viên hệ Liên thông.

4. Nguồn thu học phí từ các Hợp đồng đào tạo.

5. Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ.
6. Nguồn thu từ các lệ phí đào tạo.
7. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguồn thu từ tài trợ, viện trợ

Do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ, biếu, tặng.

Điều 8. Nguồn thu hợp pháp khác

1. Các khoản thu do tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư tham gia mở rộng và phát triển các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
2. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 9. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên:
 - a) Chi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.
 - b) Chi phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí, lệ phí.
 - c) Chi cho các hoạt động dịch vụ.
2. Chi không thường xuyên:
 - a) Chi thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ.
 - b) Chi thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức.
 - c) Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
 - d) Chi thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng.
 - e) Chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài.
 - f) Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.
 - g) Chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ Nhà nước quy định (nếu có).
 - h) Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định thực hiện các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - i) Chi thực hiện các dự án từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài.
 - j) Chi cho các hoạt động liên doanh, liên kết.
 - k) Các khoản chi khác theo quy định (nếu có).

Mục 2

CHI THANH TOÁN CÁ NHÂN

Điều 10. Tiền lương

(Mục 6000)

1. Tiêu chuẩn được hưởng chế độ tiền lương:

Chế độ tiền lương từ nguồn ngân sách được áp dụng cho cán bộ, viên chức và hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế được Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt hoặc được phân cấp.

2. Định mức tiền lương:

Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với CB – VC và lực lượng vũ trang.

Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 về việc quy định mức lương cơ sở.

Thông tư Liên tịch số 01/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Thông tư số 07/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 07 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2013/NĐ-CP.

Tiền lương cá nhân (Mức 6000): Được xác định theo công thức:

$$Lcn = Lcs \times (H1 + H2)$$

Trong đó:

Lcn: Lương cá nhân.

Lcs: Lương cơ sở chung do Nhà nước quy định.

H1: Hệ số lương cá nhân được hưởng.

H2: Hệ số phụ cấp chức vụ (nếu có).

3. Chứng từ thanh toán:

a) Hàng tháng Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp lập Bảng lương, rà soát, trình Hiệu trưởng duyệt. Phòng Kế hoạch – Tài chính chuyển phát lương cho từng cá nhân cán bộ, viên chức qua thẻ ATM, chậm nhất vào ngày 10 của tháng sau.

b) Chứng từ quyết toán lương tại phòng Kế hoạch – Tài chính là bảng xác nhận của ngân hàng đã chuyển lương hàng tháng vào tài khoản cá nhân của cán bộ, viên chức.

Điều 11. Tiền công trả cho lao động theo hợp đồng (Mức 6050)

1. Tiêu chuẩn được hưởng chế độ tiền công:

Chế độ tiền công từ nguồn ngân sách được áp dụng cho người lao động trong diện hợp đồng lao động (ngoài chỉ tiêu biên chế) do Hiệu trưởng ký kết với người lao động.

2. Định mức tiền lương:

Thực hiện theo Luật Lao động năm 2012 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

a) Đối với nhân viên đang ký hợp đồng lao động với trường và bắt đầu ký hợp đồng làm việc lần đầu:

$$\text{Lương chính} = (\text{Hệ số lương} + \text{hệ số phụ cấp}) \times Lcs$$

Lcs: Lương cơ sở theo quy định của Nhà nước tại thời điểm hưởng lương.

(trích nộp BHXH, BHYT và BHTN trên mức lương chính).

b) Đối với nhân viên thử việc:

$$\text{Lương chính} = (\text{Hệ số lương} + \text{hệ số phụ cấp}) \times Lcs \times 85\%.$$

Lcs: Lương cơ sở theo quy định của Nhà nước tại thời điểm hưởng lương.

Thời gian thử việc quy định trong hợp đồng thử việc.

Đối tượng lao động theo hợp đồng này được trả đảm bảo sao cho tổng tiền lương, cộng phụ cấp, cộng thu nhập tăng thêm đảm bảo sao cho không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định.

3. Chứng từ thanh toán:

a) Căn cứ vào hợp đồng ký kết giữa nhà trường (phòng Tổ chức – Hành chính - Tổng hợp thực hiện soạn thảo, Hiệu trưởng duyệt) và cá nhân người lao động.

b) Căn cứ vào bảng chấm công của đơn vị.

c) Hàng tháng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp chịu trách nhiệm lập danh sách để trả tiền công cho người lao động theo đúng những quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 12. Phụ cấp lương

(Mục 6100)

1. Chế độ phụ cấp đặc thù tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

Phụ cấp trách nhiệm;

Phụ cấp chức vụ;

Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ;

Phụ cấp ưu đãi ngành y tế;

Phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục – đào tạo;

Phụ cấp dạy thêm giờ (giờ phụ trội);

Phụ cấp cho GV Thể dục thể thao;

Phụ cấp độc hại;

Phụ cấp thâm niên nhà giáo;

Phụ cấp đi đường và phương tiện đi lại khi nghỉ phép năm;

Phụ cấp khác.

2. Nội dung và căn cứ :

TT	Nội dung	Văn bản pháp quy áp dụng
1	Phụ cấp trách nhiệm	- Phụ cấp trách nhiệm Kế toán trưởng: Theo TT 163/2013/TTLT/BTC-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2013 của liên tịch Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ. Hệ số phụ cấp là 0.2. - Phụ cấp trách nhiệm thủ quỹ: Theo TT 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với CB-CC-VC. Thủ quỹ cơ quan hưởng phụ cấp trách nhiệm mức 4. Hệ số phụ cấp là 0.1. - Phụ cấp trách nhiệm hướng dẫn thử việc: Theo NĐ 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
2	Phụ cấp chức vụ	- Thông tư 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giáo dục – Đào tạo hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với CB –VC.

TT	Nội dung	Văn bản pháp quy áp dụng
3	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ (ngoài giờ)	- Thông tư Liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Liên Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trả lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ đối với CB-VC. - Thời giờ làm thêm thực hiện theo Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. - Các ngày nghỉ phép của CB-VC nếu huy động làm việc thì được chi trả theo Thông tư 141/2011/TT-BTC và Thông tư 57/2014/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 141/2011/TT-BTC - Giờ làm thêm đối với GV là số giờ dạy vượt (giờ phụ trội) không quá 200 giờ chuẩn/năm học, đối với viên chức và người lao động đơn vị chức năng, nghiệp vụ là số giờ lao động quá số giờ quy định hàng tuần nhưng không quá 200 giờ lao động/năm. Nếu GV kiêm chức vừa có giờ dạy vượt vừa có giờ làm thêm, thì tổng số giờ cả 2 nội dung cũng không được vượt quá 200.
4	Phụ cấp ưu đãi ngành Y tế	Nghị định 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 về Quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập. Thông tư liên tịch 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC hướng dẫn Nghị định 56/2011/NĐ-CP. Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách thu hút, hỗ trợ cho cán bộ, viên chức công tác tại các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng của Thành phố.
5	Phụ cấp ưu đãi ngành Giáo dục - Đào tạo	- QĐ 224/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập. - TT 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 23 tháng 01 năm 2006 hướng dẫn thực hiện quyết định 244/2005/QĐ-TTg.
6	Phụ cấp dạy thêm giờ (giờ phụ trội)	Thông tư Liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của liên Bộ Giáo dục & Đào tạo - Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính.
7	Phụ cấp GV thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng	Thực hiện theo quy định hiện hành.
8	Phụ cấp độc hại	Thực hiện theo quy định hiện hành.
9	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ; Thông tư Liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và văn bản số 6207/LS-TC-

TT	Nội dung	Văn bản pháp quy áp dụng
		GDĐT-NV- LĐTBXH ngày 3 tháng 07 năm 2012 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo –Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Thông tư Liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH.
10	Phụ cấp đi đường, phương tiện đi lại khi nghỉ phép năm	Theo thông tư 141/2011/TT-BTC và Thông tư 57/2014/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 141/2011/TT-BTC
11	Phụ cấp khác	Tùy theo tính chất công việc và được duyệt của Hiệu trưởng

3. Định mức hệ số trách nhiệm chức vụ

Phụ cấp trách nhiệm theo chức vụ được tính theo hệ số trách nhiệm chức vụ của một cá nhân đảm nhiệm. Phụ cấp trách nhiệm có hệ số 1 = 1.000.000 đ, được tính như sau:

Nội dung	Hệ số
Hiệu trưởng	1,6
Phó Hiệu trưởng	1,4
Bí thư đảng ủy	1,4
Chủ tịch công đoàn trường	1,3
Bí thư Đoàn trường	1,1
Chủ tịch hội sinh viên, phó bí thư đoàn trường	0,6
Ủy viên BCH đoàn thể (cấp trường)	0,4
Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn trường, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy:	0,8
Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng Ban Nữ công	0,4
Trưởng đoàn thể cấp bộ phận (Chi bộ trực thuộc, Công đoàn bộ phận, chi đoàn GV, Bí thư liên chi đoàn khoa):	0,3
Phó trưởng đoàn thể cấp bộ phận (Chi bộ trực thuộc, Công đoàn bộ phận, chi đoàn GV, phó Bí thư liên chi đoàn khoa):	0,2
Trưởng phòng chức năng	1,2
Trưởng khoa, Phụ trách khoa có biên chế từ 40 giảng viên trở lên hoặc có hơn 1.000 SV	1,2
Trưởng khoa có biên chế dưới 40 giảng viên, trưởng Trung tâm:	1,0
Phó phòng, khoa, trung tâm	0,6
Tổ trưởng chuyên môn thuộc đơn vị trực thuộc trường	0,3
Thủ kho, thủ quỹ	0,4
Kế toán trưởng	0,6
Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân, Tổ trưởng công đoàn trực thuộc công đoàn trường	0,2

Nếu cá nhân kiêm nhiệm nhiều chức vụ, thì mỗi chức vụ kiêm nhiệm nêu trên sẽ được cộng thêm vào hệ số là 20% của hệ số phụ cấp tương ứng nhưng tổng số cộng thêm không quá 0,6.

4. Chứng từ thanh toán

Phụ cấp chức vụ, phụ cấp y tế & phụ cấp độc hại: Chuyển vào thẻ ATM theo bảng lương hàng tháng.

Phụ cấp trách nhiệm hướng dẫn thử việc: Căn cứ vào quyết định phân công hướng dẫn thử việc của Hiệu trưởng, phòng Kế hoạch – Tài chính lập chứng từ thanh toán.

Phụ cấp ưu đãi: Căn cứ vào bảng phân công giảng dạy đầu năm học của các giảng viên - giáo viên, phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp lập danh sách đề nghị xét hưởng phụ cấp ưu đãi trình Hiệu trưởng phê duyệt. Chuyển vào thẻ ATM theo bảng lương hàng tháng.

Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Căn cứ quyết định lần đầu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phụ cấp thâm niên nhà giáo và các quyết định nâng 1% phụ cấp thâm niên nhà giáo hàng năm do trường ban hành, phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp chịu trách nhiệm tính toán tiền phụ cấp thâm niên nhà giáo cho từng cá nhân trình Hiệu trưởng phê duyệt. Chuyển vào thẻ ATM theo bảng lương hàng tháng.

Phụ cấp làm việc ngoài giờ: Việc xác định thời gian làm ngoài giờ của đơn vị chức năng, nghiệp vụ được thực hiện theo thực tế nhu cầu công việc, viên chức và người lao động nếu phải làm thêm giờ thì Trưởng đơn vị có trách nhiệm bố trí nghỉ bù. Trường hợp không thể bố trí nghỉ bù được, Trưởng đơn vị phải xác nhận rõ nội dung công việc và lý do không bố trí nghỉ bù được gửi Hiệu trưởng phê duyệt trước khi huy động làm việc sau đó mới thanh toán theo chế độ quy định tại Thông tư Liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Liên Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính.

Phụ cấp GV Thẻ dạy - Thẻ thao, giáo dục quốc phòng: Thanh toán theo bảng tính chi tiết được lập theo số giờ giảng dạy trong năm của giảng viên - giáo viên được phòng Tuyển sinh – Đào tạo – Giới thiệu việc làm, phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp xác nhận, trình Hiệu trưởng phê duyệt (Theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012) (=1% mức lương tối thiểu chung cho 01 tiết giảng thực hành).

Phụ cấp dạy thêm giờ (giờ phụ trội): Giờ chuẩn và các khối lượng giảng dạy khác quy đổi ra giờ chuẩn và khối lượng vượt giờ được xác định theo Quyết định số 1925/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên giảng dạy bậc cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Việc kê khai giờ phụ trội do phòng Tuyển sinh – Đào tạo – Giới thiệu việc làm hướng dẫn và phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm tính toán tiền dạy thêm giờ cho từng GV. Việc tính tiền lương dạy thêm giờ thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDDT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013.

Phụ cấp công việc khác phục vụ quản lý nhà trường: Hiệu trưởng căn cứ quyết định phân công công việc, cũng như căn cứ vào khối lượng công việc phát sinh sẽ duyệt chi theo thực tế.

Điều 13. Học bổng học sinh - sinh viên (Mục 6150)

1. Tiêu chuẩn:

Học sinh sinh viên có kết quả học tập loại giỏi, rèn luyện đạt loại tốt trở lên sẽ được đưa vào danh sách xét duyệt cấp học bổng. Nguồn kinh phí dành cho học bổng khuyến khích học tập được trích từ học phí của học sinh sinh viên.

Hệ đào tạo	Loại học bổng	Mức học bổng/ 1tháng	Số tháng được hưởng/ 1năm	Ghi chú
Cao đẳng	Xuất sắc	550.000 đ	10 tháng (cấp theo từng học kỳ)	
	Giỏi	475.000 đ		
	Khá	400.000 đ		
Trung cấp	Xuất sắc	500.000 đ		
	Giỏi	425.000 đ		
	Khá	350.000 đ		

2. Định mức:

Mức học bổng khuyến khích học tập của học sinh sinh viên được thực hiện theo Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Chứng từ thanh toán:

Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, Phòng Thanh tra giáo dục - Công tác Sinh viên sẽ lập bảng tính tiền chi học bổng khuyến khích học tập và thưởng khuyến khích học tập đối với các học sinh sinh viên thuộc đối tượng được nhận và thông qua hội đồng xét duyệt của Nhà trường. Căn cứ vào biên bản xét duyệt của Hội đồng Nhà trường, phòng Kế hoạch - Tài chính sẽ tổng hợp số liệu, lập thủ tục cấp phát cho học sinh sinh viên.

Điều 14. Tiền thưởng

(Mục 6200)

1. Chi khen thưởng cho cán bộ, viên chức và người lao động.

a) Tiêu chuẩn:

Cán bộ, viên chức, người lao động đạt danh hiệu thi đua học kỳ, cả năm (danh hiệu “Lao động tiên tiến”) và tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

b) Định mức khen thưởng:

- Khen thưởng thi đua học kỳ:

+ Đối với cán bộ, viên chức và hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế, hợp đồng trường không xác định thời hạn.

Loại A = 400.000đ

Loại B = 300.000đ

+ Đối với hợp đồng trường xác định thời hạn.

Loại A = 300.000đ

Loại B = 200.000đ

- Khen thưởng thi đua năm học:
 - + Cá nhân đạt “Lao động tiên tiến”:
 - 600.000đ/người đối với cán bộ, viên chức và hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế, nhân viên hợp đồng trường không xác định thời hạn.
 - 500.000đ/người đối với nhân viên hợp đồng trường có thời hạn.
 - + Tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”: 200.000đ/người/năm cho mỗi cá nhân trong đơn vị đạt “Tập thể lao động xuất sắc”.
- Khen cán bộ công đoàn xuất sắc: 250.000đ/người - Danh hiệu do Công đoàn trường xét.
- Khen công đoàn viên xuất sắc: 250.000đ/người - Danh hiệu do Công đoàn trường xét.
- Khen phụ nữ 2 giỏi: 250.000đ/người - Danh hiệu do Công đoàn trường xét
- Khen thưởng gia đình nhà giáo văn hoá: 250.000đ/người – Danh hiệu do Công đoàn trường xét (phải có giấy chứng nhận do UBND phường, xã cấp. Được thanh toán năm ghi trên giấy chứng nhận).
- Khen thưởng gia đình nhà giáo hiếu học: 250.000đ/người – Danh hiệu do Công đoàn trường xét (phải có giấy chứng nhận do UBND phường, xã cấp. Được thanh toán năm ghi trên giấy chứng nhận).
- Khen thưởng giáo viên thao giảng, hội giảng các cấp:
 - + Hội giảng cấp khoa:

Giải Nhất	400.000đ
Giải Nhì	300.000đ
Giải Ba	200.000đ
 - + Hội giảng cấp trường:

Giải Nhất	700.000đ
Giải Nhì	500.000đ
Giải Ba	300.000đ
Giải Khuyến khích	200.000đ
 - + Hội giảng cấp thành phố:

Giải Nhất	1.200.000đ
Giải Nhì	1.000.000đ
Giải Ba	800.000đ
Chứng nhận GV dạy giỏi	600.000đ
 - + Hội giảng cấp toàn quốc:

Giải Nhất	1.500.000đ
Giải Nhì	1.200.000đ
Giải Ba	1.000.000đ
Chứng nhận GV dạy giỏi	800.000đ
- Khen thưởng các đề tài nghiên cứu khoa học: Chi theo Quy định hiện hành của Trường về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Chứng từ thanh toán:

- Căn cứ vào kết quả thi đua, Hội đồng thi đua Nhà trường sẽ lập danh sách xếp loại thi đua khen thưởng, phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp lập danh sách nhận tiền thưởng trình Hiệu trưởng phê duyệt, chuyển vào thẻ ATM của cá nhân CB, GV, NV.

- Căn cứ vào kết quả hội giảng của khoa, (của trường), các trưởng khoa và phòng Tuyển sinh – Đào tạo – Giới thiệu việc làm lập danh sách đề nghị, phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp soạn thảo Quyết định và in giấy khen trình Hiệu trưởng phê duyệt khen thưởng GV đạt giải.

2. Chi khen thưởng cho Học sinh – Sinh viên:

a) Chi khen thưởng kỳ thi học sinh – sinh viên giỏi các môn học cấp khoa: Chi theo Quy định tạm thời số 1837/QyĐ-LTT-ĐT ngày 02/12/2014.

Giải Nhất	250.000đ
Giải Nhì	200.000đ
Giải Ba	150.000đ
Giải Khuyến khích	100.000đ

b) Chi khen thưởng học sinh – sinh viên đạt thành tích xuất sắc: Chi theo đề nghị của Hội đồng xét khen thưởng và học bổng học sinh – sinh viên, được Hiệu trưởng duyệt.

Điều 15. Phúc lợi tập thể

(Mục 6250)

- Trợ cấp khó khăn đột xuất.
- Tiền nước uống cơ quan.
- Tiền nước uống của cán bộ, viên chức, người lao động.
- Tiền thuốc y tế.
- Tiền khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ, viên chức, người lao động.
- Các dạng phúc lợi khác.

1. Tiêu chuẩn:

a) Tiền nước uống cơ quan: Chế độ này thực hiện cấp cho phòng Quản trị - Dịch vụ để mua trà, nước suối và các thức uống khác (trừ bia, rượu) để tiếp khách, hội họp theo định mức.

b) Tiền mua nước uống khoán cho cán bộ, viên chức, người lao động theo đơn vị: 01 bình 20lít/người/tháng.

c) Chế độ tiền thuốc y tế: Chế độ này thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu sơ cấp cứu và chữa bệnh thông thường cho cán bộ, viên chức, người lao động và học sinh sinh viên trong toàn trường.

2. Định mức:

TT	Chế độ	Văn bản pháp quy áp dụng
1	Trợ cấp khó khăn đột xuất	Áp dụng cho các CB-VC, người lao động gặp khó khăn được Hiệu trưởng duyệt theo đề nghị của Ban Thường vụ Công đoàn trường (mức trợ cấp từ 500.000 - 2.000.000đ)
2	Chế độ tiền nước uống cơ quan (Mua trà pha nước)/tháng	2.500.000đ/tháng
3	Chế độ tiền thuốc y tế cơ quan	6.000.000 đồng/1 quý (3 tháng)

TT	Chế độ	Văn bản pháp quy áp dụng
4	Khám sức khỏe định kỳ hàng năm	Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 05 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe

3. Các dạng phúc lợi khác:

Đầu mỗi năm học, căn cứ thực tế nguồn quỹ phúc lợi, Hiệu trưởng và Công đoàn sẽ thảo luận thống nhất, trình hội nghị cán bộ, viên chức để quyết định các nội dung và định mức chi.

Năm học 2015 – 2016, Quỹ phúc lợi được phân phối theo nội dung và định mức đã được hội nghị cán bộ, viên chức thông qua như sau:

a) Tiền thưởng Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11) tính theo số tháng công tác tại trường, từ tháng 11 của năm trước đến hết 12 tháng sau đó:

- Đối với cán bộ, viên chức, nhân viên hợp đồng trường không xác định thời hạn: 1.500.000đ/người.

- Đối với nhân viên hợp đồng trường có xác định thời hạn: 1.000.000đ/người.

- Viên chức đã nghỉ hưu: Mức chi do Hiệu trưởng duyệt.

- Tiền thưởng ngày 20/11 không áp dụng cho CB, VC, NLĐ xin thôi việc, bỏ việc, hết hạn hợp đồng lao động không tái ký trong vòng 12 tháng gần nhất.

b) Tiền Tết Dương lịch, Ngày Thành lập trường 1/2, Lễ Chiến thắng 30/4, Ngày Quốc tế Lao động 01/5, Lễ giỗ Quốc tổ, Lễ Quốc khánh 2/9: 500.000đ/người đối với toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động.

c) Thăm ốm nằm viện < 3 ngày: 200.000đ/người đối với toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động.

d) Thăm ốm nằm viện > 3 ngày: 500.000đ/người đối với toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động.

e) Hỗ trợ lập gia đình: 500.000đ/người/1năm công tác tại trường. Tối đa là 3.000.000 đ/người đối với toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động.

f) Tử thân phụ mẫu (ruột), chồng, vợ, con (ruột) của cán bộ, viên chức, người lao động qua đời: 3.000.000đ/người và được nghỉ 3 ngày có tính lương.

g) Chi hỗ trợ gia đình của cán bộ, viên chức, người lao động khi bản thân cán bộ, viên chức, người lao động đang công tác tại trường qua đời: 10.000.000 đ/người đối với toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động;

h) Tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế thiếu nhi 01/06, Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi (con cán bộ, viên chức, người lao động): 200.000đ/cháu.

i) Chi hỗ trợ học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho con CB-GV-NV trường tối đa 20.000.000 đ/năm.

j) Tổ chức kỷ niệm Ngày phụ nữ 8/3, thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10: 300.000đ/người đối với toàn thể nữ cán bộ, viên chức, người lao động.

k) Ngày 27/2: Cán bộ, viên chức, người lao động làm công tác y tế tại trường: 200.000đ/người; Ngày 27/7: Cán bộ, viên chức, người lao động là thương binh, con liệt

sĩ: 200.000đ/người; Ngày 22/12: Cán bộ, viên chức, người lao động đã tham gia quân đội nhân dân: 200.000đ/người;

l) Trợ cấp thực hiện thủ thuật kế hoạch hóa gia đình hoặc khi nữ cán bộ, viên chức, người lao động bị sảy thai: 500.000đ/người/01 lần/năm .

m) Trợ cấp nghỉ hộ sản: 500.000đ.

n) Tặng quà đầu năm âm lịch: 200.000đ/người

o) Trợ cấp nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do hết tuổi lao động đối với những cán bộ, viên chức và người lao động hợp đồng không thời hạn: 10.000.000đ/người.

- Tùy tình hình tài chính của Nhà trường, cán bộ, viên chức và người lao động nghỉ hưu trong năm được nhà trường mời tham quan, du lịch; kinh phí thực hiện không quá 1.500.000 đồng/người (chi theo số người thực tế tham dự).

- Tứ thân phụ mẫu (ruột), chồng, vợ, con (ruột) và bản thân cán bộ, viên chức, nghỉ hưu qua đời, Nhà trường viếng 1 vòng hoa và hỗ trợ 500.000 đồng.

p) Chi tối đa số tiền là 600.000.000đ/năm cho hỗ trợ tham quan, du lịch trong năm. Công đoàn trường lập kế hoạch thực hiện trình Hiệu trưởng duyệt.

q) Trang phục: Nhà trường may đồng phục (nữ may 1 bộ áo dài, nam may 1 bộ gồm: áo sơ mi + quần tây + cà vạt) tối đa 1.000.000 đ/người/năm.

r) Ngày Nhà giáo Việt Nam (20 tháng 11) và Tết Nguyên đán: Nếu Nhà trường không tổ chức liên hoan thì chi 200.000đ/người (theo số cán bộ, viên chức, người lao động và GV thỉnh giảng của từng đơn vị) để các đơn vị tự tổ chức (không chi cho cá nhân).

s) Chi hỗ trợ các hoạt động nâng cao trình độ chuyên môn - nghiệp vụ: (Đối với cán bộ, viên chức, người lao động), chi khi cá nhân nộp bằng (thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ tại ngày ký trên bằng tốt nghiệp):

- Diện ngân sách được Sở duyệt:

+ Thạc sĩ: Tối đa 20.000.000đ.

+ Tiến sĩ: Tối đa 40.000.000đ.

Nếu cá nhân có nhu cầu, Nhà trường sẽ chi tạm ứng đến 50% hóa đơn học phí trong quá trình theo học nhưng không quá mức hỗ trợ trên.

- Diện đi học ngoài ngân sách (đi học tự túc) được Trường duyệt,

+ Thạc sĩ: 10.000.000đ.

+ Tiến sĩ: 20.000.000đ.

4. Chứng từ thanh toán: Theo quy định nhà nước.

Điều 16. Các khoản đóng góp

(Mục 6300)

1. Tiêu chuẩn:

a) Bảo hiểm xã hội.

b) Bảo hiểm y tế.

c) Bảo hiểm thất nghiệp.

d) Kinh phí Công đoàn.

2. Định mức:

TT	Chế độ	Định mức
A	Biên chế và HD chỉ tiêu biên chế	
1	Bảo hiểm xã hội	Thực hiện theo lộ trình quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành
2	Bảo hiểm y tế	Thực hiện theo lộ trình quy định của Luật Bảo hiểm y tế hiện hành
3	Bảo hiểm thất nghiệp	Thực hiện theo lộ trình quy định của Luật Việc làm hiện hành
4	Kinh phí Công đoàn	Thực hiện theo lộ trình quy định của Luật Công đoàn hiện hành
B	Hợp đồng trường	
1	Bảo hiểm xã hội	Thực hiện theo lộ trình quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành
2	Bảo hiểm y tế	Thực hiện theo lộ trình quy định của Luật Bảo hiểm y tế hiện hành
3	Bảo hiểm thất nghiệp	Thực hiện theo lộ trình quy định của Luật Việc làm hiện hành
4	Kinh phí Công đoàn	Thực hiện theo lộ trình quy định của Luật Công đoàn hiện hành

Điều 17. Các khoản thanh toán cá nhân

(Mục 6400)

1. Tiêu chuẩn:

a) Chế độ trợ cấp Tết Nguyên đán: Lấy nguồn chi từ ngân sách, theo quy định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Áp dụng cho CB -VC trong diện biên chế và hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế). Đối với người lao động, chi từ quỹ phúc lợi của nhà trường với mức tối thiểu bằng 50% so với mức quy định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cho CB -VC.

b) Thu nhập tăng thêm: Tiền lương tăng thêm (theo xếp loại thi đua hàng tháng):

- Nguyên tắc chung:

$$\text{Lương tăng thêm} = \text{Htt} \times (\text{H1} + \text{H2}) \times \text{Lcs}$$

Htt: Hệ số tăng thêm

H1: Hệ số lương cá nhân được hưởng.

H2: Hệ số phụ cấp chức vụ (nếu có).

Lcs: Lương cơ sở chung do Nhà nước quy định.

Áp dụng công thức trên, với hệ số tăng thêm (Htt) căn cứ theo xếp loại thi đua hàng tháng.

- CB-VC-NLĐ đang hưởng lương theo chế độ ngạch, bậc, hệ số tại trường. Hệ số tăng thêm (Htt) được xác định theo các loại như sau:

Loại A = 0,65;

Loại B = 0,45;

Loại C = 0,15;

Loại D và E = 0.

Những trường hợp có hệ số lương thấp, Nhà trường chi bổ sung đối với loại A đảm bảo bằng mức lương cơ sở chung do Nhà nước quy định; loại B = 0.75 của loại A và loại C = 0.75 của loại B.

Cán bộ, viên chức nghỉ việc riêng, nghỉ ốm, nghỉ không hưởng lương, nghỉ thai sản, nghỉ do đi học tập trung dài hạn từ 1 tháng trở lên, nghỉ phép năm, nghỉ hè, đi du lịch không được hưởng tiền lương tăng thêm tương ứng với thời gian nghỉ.

Riêng các mức thưởng cho CSTĐCS, CSTĐTP trở lên, do cấp ban hành quyết định khen thưởng chi.

Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định

Hệ số này có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình tài chính của nhà trường.

c) Tiền thưởng Tết Nguyên đán (tính theo số tháng phục vụ tại trường, từ tháng của Tết Nguyên đán năm trước đến hết 12 tháng sau đó):

- Đối với cán bộ, viên chức, giáo viên và nhân viên hợp đồng trường không xác định thời hạn: Được thưởng **7.000.000đ/người** (làm việc đủ 12 tháng tại trường).

- Đối với giáo viên và nhân viên hợp đồng trường có xác định thời hạn (không tính GV thỉnh giảng): Được thưởng **5.000.000đ/người** (làm việc đủ 12 tháng tại trường).

- Tiền thưởng Tết không áp dụng cho CB, VC, NLD xin thôi việc, bỏ việc, hết hạn hợp đồng lao động không tái ký trong vòng 12 tháng gần nhất.

- CB, VC, NLD làm việc tại trường dưới 12 tháng trong năm thì tùy mức độ đóng góp cho trường, Hiệu trưởng sẽ có chế độ thưởng cụ thể dựa trên đề xuất của BCH Công đoàn, phòng Kế hoạch – Tài chính và phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp.

d) Phụ cấp ăn trưa: 30.000 đ/ngày thực tế làm việc tại trường đối với cán bộ, nhân viên. Đối với giảng viên, giáo viên, căn cứ vào khối lượng chuẩn, GV làm việc 40 giờ/tuần tương đương 5 ngày/tuần (khoản này không chi cho những ngày công tác ngoài trường).

2. Chứng từ thanh toán:

Danh sách được hưởng các tiêu chuẩn trên được phòng Tổ chức –Hành chính – Tổng hợp phối hợp với các phòng chức năng lập, được sự phê duyệt của Hiệu trưởng.

Mục 3

CHI VỀ HÀNG HÓA – DỊCH VỤ

Điều 18. Thanh toán dịch vụ công cộng (Mục 6500)

1. Thanh toán tiền điện.
2. Thanh toán tiền nước.
3. Thanh toán tiền nhiên liệu xe ô tô cơ quan.
4. Thanh toán tiền vệ sinh môi trường (mé cây xanh, trừ mối, đổ rác....).
5. Thanh toán khoán phương tiện theo chế độ.
6. Khác.

Thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên cơ sở tiết kiệm ngân sách nhằm tăng thu nhập cho đội ngũ.

Điều 19. Vật tư văn phòng**(Mục 6550)****1. Tiêu chuẩn:**

Chế độ vật tư văn phòng được sử dụng cho những nội dung sau: Công tác hành chính, học vụ.

2. Định mức:

a) Đối với các khoa: Định mức khoán chi văn phòng phẩm, dụng cụ hành chính (giấy, bút, giấy in, photocopy, ly, bình trà, bình thủy...) cấp cho 10 tháng/năm. Mức chi tối đa 30.000đ/tháng/người theo đơn vị khoa nghề, tối đa 20.000đ/tháng/người theo đơn vị khoa Khoa học cơ bản, khoa Lý luận chính trị và khoa Kinh tế. Phòng Kế hoạch - Tài chính (KH-TC) hướng dẫn thanh toán.

b) Các phòng ban (bộ phận nghiệp vụ): Mức chi văn phòng phẩm và dụng cụ hành chính do các đơn vị lập đề nghị, phòng Quản trị - Dịch vụ tổng hợp trình Hiệu trưởng duyệt. Một số trường hợp phát sinh khác do Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 20. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**(Mục 6600)****1. Tiêu chuẩn:**

Chế độ thông tin, tuyên truyền, liên lạc được sử dụng cho những nội dung sau:

- a) Cước phí điện thoại.
- b) Cước phí bưu chính.
- c) Fax, Internet.
- d) Quảng cáo.
- e) Ấn phẩm truyền thông.
- f) Sách, báo, tạp chí thư viện.
- g) Khoán điện thoại.
- h) Khác.

2. Định mức:

- a) Khoán điện thoại:

TT	Chế độ	Định mức khoán/ 1tháng	Đơn vị áp dụng	Văn bản pháp quy
1	Cước phí điện thoại cố định	Theo cuộc gọi thực tế	Ban Giám hiệu Phòng Tuyển sinh - Đào tạo - GTVL Phòng Tổ chức - HC – TH Phòng Thiết bị - Vật tư Phòng Kế hoạch – Tài chính Phòng Thanh tra GD - CTSV Phòng Quản lý Khoa học - Quan hệ quốc tế Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Phòng Quản trị - Dịch vụ	Theo văn bản số 17/VBHN-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ

TT	Chế độ	Định mức khoán/ 1tháng	Đơn vị áp dụng	Văn bản pháp quy
		Mức khoán 200.000đ	- Các khoa, bộ môn trực thuộc và các số máy còn lại tại các phòng, trung tâm.	chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ”. (Ban hành kèm theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc mở rộng đối tượng được cấp tiền để thanh toán cước phí điện thoại di động).
2	Cước điện thoại di động	600.000 đ	- Hiệu trưởng. - Bí thư Đảng ủy.	
		400.000 đ	- Phó Hiệu trưởng. - Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Công đoàn trường.	
		350.000 đ	- Trưởng đơn vị. - Bí thư Đoàn Trường.	
		200.000 đ	- Phó Trưởng đơn vị - Phó Bí thư Đoàn Trường	
		150.000 đ	- Tổ trưởng, Trưởng bộ môn	

Hàng tháng Phòng Kế hoạch – Tài chính căn cứ vào các giấy báo cước điện thoại của các đơn vị gửi về, tiến hành trả tiền.

Định mức trên được tính theo hàng tháng, không được bù trừ giữa các tháng trong năm.

Cán bộ, viên chức, người lao động trong đối tượng được cấp tiền để thanh toán cước phí điện thoại di động trên có trách nhiệm đăng ký số điện thoại di động cho phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp để theo dõi, quản lý và liên lạc phục vụ công việc chung 24/24.

Mức phụ cấp bằng tiền được thanh toán hàng tháng. Chứng từ thanh toán căn cứ vào bảng kê do Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp lập trên cơ sở số máy điện thoại di động mà cán bộ, viên chức, người lao động đã đăng ký.

b) Cước phí bưu chính: Thanh toán theo chứng từ thực tế sử dụng cho công vụ, căn cứ vào giấy báo cước do Bưu điện phát hành.

c) Fax – Internet: Thanh toán theo thực tế sử dụng và theo hợp đồng ký kết với đơn vị cung cấp dịch vụ.

d) Ấn phẩm truyền thông: Thanh toán theo nhu cầu được Hiệu trưởng duyệt.

e) Sách, báo, tạp chí thư viện: Chi theo hóa đơn thực tế. Căn cứ vào nhu cầu trang bị sách, báo, tạp chí thư viện để phục vụ cho cán bộ, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên, Trung tâm Truyền thông - Thư viện trường lập kế hoạch trang bị trình Hiệu trưởng duyệt.

f) Quảng cáo: Chi theo hóa đơn thực tế căn cứ vào nhu cầu giới thiệu Nhà trường với thông tin đại chúng trên nguyên tắc tiết kiệm và có hiệu quả.

Điều 21. Công tác phí**(Mục 6700)****1. Công tác trong nước:**

Chế độ công tác phí được sử dụng cho những nội dung sau:

- Tiền vé máy bay, tàu, xe.
- Tiền ăn.
- Tiền ở.
- Phí, lệ phí liên quan.
- Công tác phí hàng tháng cho các cán bộ các phòng, ban thường xuyên đi công tác bằng phương tiện cá nhân.
- Chi hỗ trợ công tác.

a) Tiêu chuẩn:

Để được hưởng chế độ công tác phí cán bộ, viên chức, người lao động phải có một trong những văn bản sau:

- Công văn triệu tập của cơ quan cấp trên.
- Giấy mời được sự phê duyệt chấp thuận của Hiệu trưởng.
- Quyết định triệu tập của cơ quan cấp trên.
- Quyết định cử đi công tác của Ban Giám hiệu khi có yêu cầu giải quyết công việc của trường.
- Cán bộ, viên chức và người lao động làm công tác hành chính thường xuyên đi liên hệ công tác bằng phương tiện cá nhân.

b) Định mức:

TT	Chế độ	Đối tượng	Văn bản pháp quy
1	Thanh toán vé máy bay hạng ghế thường và tiền cước phương tiện vận tải công cộng từ nơi công tác ra sân bay và ngược lại	- Ban Giám hiệu; - Bí thư Đảng bộ; - Chủ tịch Công đoàn trường; - Bí thư Đoàn trường; - Trưởng đơn vị; - CB, GV có học vị tiến sĩ trở lên; - Các trường hợp đặc biệt khác phải được Hiệu trưởng phê duyệt.	Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 07 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí....
	Thanh toán tàu nằm loại 1	- Phó đơn vị - CB -VC từ 50 tuổi trở lên	
	Thanh toán tàu nằm loại 2	- CB -VC đi công tác dưới 50 tuổi	
	Thanh toán tàu nằm loại 3	- CB -VC đi học, tập huấn - SV đi dự các giải toàn quốc hoặc khu vực	
2	Chế độ tiền lưu trú & phụ cấp công tác phí	Phụ cấp lưu trú (sinh hoạt phí) ngoại tỉnh: - Không quá 150.000 đ/1 ngày. - Trường hợp đi và về trong ngày được tính 100.000đ/ngày	Thông tư số: 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 07 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định

TT	Chế độ	Đối tượng	Văn bản pháp quy
		Tiền thuê phòng nghỉ (ngoại tỉnh): * Thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hóa đơn hợp pháp): - Tại các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh. Mức khoán tối đa không vượt quá 900.000đ/ngày/phòng/theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.	chế độ công tác phí....
		- Đối với các vùng còn lại được thanh toán mức giá thuê phòng tối đa 600.000đ/ngày/phòng/theo tiêu chuẩn 2 người/phòng - Trường hợp đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới thì được thanh toán theo mức thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/ngày/phòng) * Trường hợp đi công tác nhưng ở nhà người thân (hoặc ở những nơi không thể có hóa đơn hợp pháp) sẽ được thanh toán theo hình thức khoán: - Đi công tác tại các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: Mức khoán tối đa không quá 350.000đ/ngày/người - Đi công tác tại huyện thuộc các TP trực thuộc Trung ương, tại thị xã, TP còn lại thuộc tỉnh: Mức khoán tối đa không quá 250.000đ/ngày/người. - Đi công tác tại các vùng còn lại: Mức khoán tối đa không quá 200.000đ/ngày/người	
3	Chế độ công tác phí cho CB-VC, người lao động làm việc hành chính tại các phòng thường xuyên đi công tác bằng phương tiện cá nhân.	Tùy theo mức độ công tác sẽ do Hiệu trưởng duyệt mức khoán. Mức khoán này bao gồm cả tiền xăng, hao mòn xe (tối đa không quá 300.000đ/1 tháng)	Thông tư số: 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 07 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí....

2. Công tác nước ngoài:

Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước.

Điều 22. Chi phí thuê mướn

(Mục 6750)

1. Tiêu chuẩn:

- Thuê chuyên gia.
- Thuê lao động.
- Thuê đào tạo cán bộ (các hợp đồng đào tạo).
- Thỉnh giảng và báo cáo viên.

2. Định mức:

TT	Chế độ	Đối tượng	Mức chi
2.1	Thuê chuyên gia – Lao động	Những người không trong chỉ tiêu biên chế Nhà trường, việc thuê mướn dựa trên vụ việc cụ thể, ngắn hạn. (dưới 1 năm)	Theo công việc cụ thể với mức giá được Hiệu trưởng duyệt.
2.2	Thuê đào tạo Cán bộ	Các hợp đồng đào tạo sử dụng đến ngân sách Nhà trường.	Theo hợp đồng

3. Thuê thỉnh giảng

Cán bộ, viên chức ngoài biên chế của Nhà trường, có bằng cấp chuyên môn phù hợp.

Chế độ thỉnh giảng được áp dụng đối với trường hợp sau:

a) Biểu giá thanh toán giờ thỉnh giảng đối với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm giảng dạy, ra đề và chấm bài:

Bậc đào tạo	Định mức thanh toán trước thuế thu nhập
Cao đẳng	60.000 đ/ 1tiết
Trung cấp	55.000 đ /1tiết

- Việc thanh toán giờ thỉnh giảng được thực hiện theo hợp đồng thỉnh giảng đã ký.
- Các đối tượng được mời thỉnh giảng phải có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của nhà nước.
- Các trường hợp có đặc thù riêng về chức danh khoa học và môn học, mức thù lao sẽ do Trường khoa đề nghị trình Hiệu trưởng xét duyệt.

b) Biểu giá thanh toán giờ thỉnh giảng đối với Trường Trung học phổ thông Lý Tự Trọng bao gồm giảng dạy, ra đề, chấm bài và tham gia các hoạt động chuyên môn của tổ, trường:

KHỐI LỚP	Định mức thanh toán trước thuế thu nhập
Khối lớp 12	55.000 đ / 1tiết
Khối lớp 11	50.000 đ / 1tiết

- Việc thanh toán giờ thỉnh giảng được thực hiện vào cuối mỗi tháng.
- Các đối tượng được mời thỉnh giảng phải có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước.

Điều 23. Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên (Mục 6900)

1. Tiêu chuẩn:

- Sửa ô tô.
- Nhà cửa.
- Thiết bị tin học.
- Sửa máy tính, photocopy, fax.
- Sửa chữa thiết bị chuyên dùng.
- Sách, tài liệu và chế độ dùng cho công tác chuyên môn.
- Sửa chữa máy điều hòa nhiệt độ.
- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc.
- Sửa chữa máy bơm nước.
- Sửa chữa máy phát điện.
- Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính.
- Sửa chữa điện, nước, đường xá.
- Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác.

2. Định mức: Thanh toán theo hợp đồng sửa chữa cụ thể.

Điều 24. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (Mục 7000)

1. Tiêu chuẩn:

- Chi mua vật tư thực hành - thí nghiệm.
- Bảo hộ lao động - đồng phục.
- Trao đổi, học tập thực tế của CB -VC - NLĐ.
- Các hoạt động giảng dạy liên quan đến công tác đào tạo
- Chi Hội nghị
- Chi khác
- Nghiên cứu khoa học
- Chi hoạt động đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Quy định:

a) Vật tư học tập, thực hành, thí nghiệm:

- Việc mua các vật tư, vật liệu thí nghiệm, thực tập, các dụng cụ phục vụ giảng dạy (không phải là tài sản cố định), trang thiết bị tài sản chuyên dùng được thực hiện trong chi phí thường xuyên của Nhà trường.

- Đơn vị có các nhu cầu trên cần cung cấp các danh mục vật tư, vật liệu, thí nghiệm thực tập theo kế hoạch của từng học kỳ (hoặc năm học), các danh mục này được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho phù hợp với tiến độ giảng dạy (được sự phê duyệt của Ban Giám hiệu) cho phòng Thiết bị - Vật tư để phòng có kế hoạch cung cấp kịp thời.

- Các nhu cầu cần mua sắm đột xuất phải được Hiệu trưởng duyệt và gửi cho phòng Thiết bị - Vật tư, phòng Quản trị - Dịch vụ trước 3 ngày, kể từ ngày đơn vị cần mua.

- Khi mua cần lưu ý các qui định về hóa đơn mua hàng như sau:

+ Đối với các hàng hóa có giá trị lớn hơn 200.000đ phải có hóa đơn tài chính.

+ Đối với các hàng hóa có giá trị nhỏ hơn 200.000đ thì phải có hóa đơn bán lẻ.

+ Tuy nhiên trong một số trường hợp, các mặt hàng mua bán không thông dụng phải mua ở chợ, tiệm bán lẻ... không thể có hóa đơn tài chính, thì cán bộ mua hàng phải làm bảng kê khai và phải được sự phê duyệt của trưởng đơn vị, phòng Kế hoạch – Tài chính và Hiệu trưởng.

b) Trao đổi, học tập thực tế của cán bộ, viên chức, người lao động:

- Thực hiện theo Chỉ thị số 22/2003/CT-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, về việc bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục hàng năm.

- Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Trao đổi, học tập thực tế của cán bộ, viên chức được thực hiện theo Đề án đào tạo bồi dưỡng giáo viên sau khi được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Hiệu trưởng phê duyệt.

- Mỗi thành viên phải viết kết quả thu hoạch sau đợt học tập gửi về phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp trình Hiệu trưởng.

c) Công tác nghiên cứu khoa học:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Trường về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh.

d) Bảo hộ lao động và đồng phục, trang phục:

- Bảo hộ lao động:

+ Bảo hộ lao động cho giảng viên dạy thực hành, đồng phục bảo vệ, y tế, lao động phục vụ, tài xế, thợ điện hàng năm được căn cứ theo Quy định số 1420/QyĐ-LTT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trang phục cho giáo viên, giảng viên dạy Thể dục thể thao:

- Căn cứ Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên Thể dục thể thao;

- Căn cứ vào bảng phân công nhiệm vụ đầu năm học, Trưởng bộ môn Giáo dục thể chất lập kế hoạch trang bị trang phục, đồng phục giáo viên, giảng viên dạy Thể dục thể thao trình Hiệu trưởng phê duyệt theo định mức sau:

	GV chuyên trách	GV kiêm nhiệm
+ Quần áo thể thao dài tay, hàng nội:	2 bộ /năm/người	1 bộ /năm/người
+ Giày thể thao nội:	2 đôi /năm/người	1 đôi /năm/người
+ Tất thể thao nội:	4 đôi /năm/người	2 đôi /năm/người
+ Áo thể thao ngắn tay:	4 cái /năm/người	2 cái /năm/người

Thực hiện mua hàng dưới hình thức mua sắm trực tiếp, thanh toán theo hóa đơn tài chính.

e) Các hoạt động giảng dạy liên quan đến công tác đào tạo khác:

Đối với các hoạt động khác có liên quan đến công tác đào tạo, công tác tư tưởng – chính trị, công tác đoàn thể tùy theo nội dung cụ thể các đơn vị đề xuất, sau khi được các phòng chức năng xác nhận, Hiệu trưởng phê duyệt sẽ được thực hiện.

f) Chi các hoạt động ngoại khóa của sinh viên:

Mức chi do Hiệu trưởng duyệt trên cơ sở đề nghị của các khoa và có ý kiến tham mưu của các phòng chức năng.

g) Chi hội nghị:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 07 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Hàng năm, trường có các hội nghị: Sơ kết học kỳ I, tổng kết năm học, tổ chức kỷ niệm ngày thành lập trường, ngày Nhà giáo Việt Nam, Hội nghị cán bộ – công chức v.v... (tùy theo tình hình tài chính của trường) có các mức chi:

- Chi thuê bồi dưỡng báo cáo viên: Mức chi theo thỏa thuận.
- Tiền tài liệu; bút, giấy (nếu có) cho đại biểu tham dự hội nghị.
- Tiền nước uống trong cuộc họp: tối đa không quá 15.000đ/buổi/đại biểu.
- Các khoản chi khác như: Tiền làm thêm giờ, trang trí hội trường v.v...
- Mức chi đại biểu dự và chi cho cán bộ, viên chức dự hội nghị tùy theo tính chất của hội nghị do Hiệu trưởng quyết định.

h) Chi công tác đánh giá và đảm bảo chất lượng

Công tác đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục là nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động đào tạo. Từ năm học 2008 - 2009 Nhà trường bắt đầu thực hiện nhiệm vụ trên, để đảm bảo chất lượng công việc, các định mức chi cho hoạt động sẽ do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đề xuất và được Hiệu trưởng phê duyệt.

i) Chi công tác biên soạn chương trình khung, chương trình đề cương chi tiết: chi theo quy định về nhiệm vụ NCKH đối với giảng viên của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ chí minh hoặc tùy theo khả năng kinh phí của trường mà Hiệu trưởng quyết định.

j) Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn:

- Thao giảng cấp khoa và tương đương: Chi tiền nước uống và các chi phí khác được tính 10.000đ/cán bộ, giảng viên tham dự.
- Hội giảng cấp trường: Chi tiền nước uống và các chi phí khác được tính 10.000đ/ cán bộ, giảng viên tham dự.
- Hội giảng cấp thành phố, cấp toàn quốc:
 - + Hội đồng dự giờ bồi dưỡng cho giáo viên thi cấp thành phố, cấp toàn quốc: 70.000đ/tiết .
 - + Giáo viên trực tiếp thao giảng: 100.000đ/tiết.

Số tiết dự do Hội đồng dự giờ bồi dưỡng giáo viên lên kế hoạch trình Hiệu trưởng duyệt.

Chi luyện thi học sinh giỏi cấp Thành phố, cấp quốc gia: 70.000đ/tiết.

Số tiết luyện thi cho mỗi môn thi do Hiệu trưởng quyết định.

k) Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn khác:

- Thực tập tốt nghiệp của HS - SV.

- Sách, tài liệu chuyên môn.
- Sinh hoạt chuyên môn.
- Văn phòng phẩm phục vụ công tác đào tạo, giấy thi, ấn chỉ ...
- Đối với việc chi khác, mức chi căn cứ theo thực tế phát sinh nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của trường. Hiệu trưởng duyệt chi trên cơ sở đề nghị của các đơn vị.

l) Chi tình giản biên chế.

Mục 4

CÁC KHOẢN CHI KHÁC

Điều 25. Chi khác

(Mục 7750)

1. Tiêu chuẩn:

- Chi phí, lệ phí bảo hiểm, đăng kiểm xe ô tô: Theo định kỳ xét duyệt.
- Chi tiếp khách: Thông tư 127/2007/TT-BTC.
- Chi mua cây kiểng... Theo yêu cầu cụ thể.
- Chi điện hoa chúc mừng đơn vị bạn.
- Chi mùa hè xanh cho sinh viên.
- Công tác Đoàn thể, phong trào.
- Chi kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân: Thông tư 40/2006/TTLT/BTC-BTTUBTWMTTQVN-TLĐLĐVN
- Chi khác.

2. Định mức:

a) Chi tiếp khách:

Theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

- Tùy tính chất quan trọng của công việc khi khách đến liên hệ giao dịch, làm việc với trường, Hiệu trưởng tiếp khách hoặc ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng, cán bộ chức năng tiếp khách sẽ được thanh toán theo hóa đơn.

- Đối với khách đến làm việc tại cơ quan, đơn vị: Chi nước uống, mức chi tối đa không quá 30.000 đồng/người/ngày.

- Chi mời cơm: Các cơ quan, đơn vị không tổ chức chi chiêu đãi đối với khách trong nước đến làm việc tại cơ quan, đơn vị mình; trường hợp xét thấy cần thiết thì chỉ tổ chức mời cơm khách theo mức chi tiếp khách tối đa không quá 150.000đồng/1 suất. Đối tượng được mời cơm do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

- Khách nước ngoài đến làm việc với trường chi không quá 250.000đ/suất.

b) Chi công tác đoàn thể, phong trào:

- Hỗ trợ hoạt động đoàn thể (Đảng bộ, các Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên): 150.000.000 đ/năm. Phải có kế hoạch trình Hiệu trưởng quyết

- Chi cho các hoạt động phong trào: Mức chi từ 20.000.000đ – 40.000.000đ/năm.

- Chi hoạt động về nguồn cho Đảng viên của Đảng bộ: không quá 5.000.000 đồng/người/năm.

c) Chi kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân:

Theo Thông tư liên tịch số 40/2006/TTLT/BTC – BTTUBTWMTTQVN – TLĐLĐVN ngày 12 tháng 05 năm 2006 của Bộ Tài chính – Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam – Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn về kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân. Ban Chấp hành Công đoàn trường lập dự trù kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân trình Hiệu trưởng duyệt.

d) Chi khác: Các khoản chi khác phát sinh thực tế tại đơn vị do trường các đơn vị đề nghị, được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 26. Chi lập các quỹ của đơn vị sự nghiệp có thu (Mục 7950)

1. Tiêu chuẩn :

- Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập của đơn vị.
- Chi lập quỹ phúc lợi.
- Chi lập quỹ khen thưởng.
- Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Định mức: Chi tiết ở chương IV.

Mục 5

CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Điều 27. Mua, đầu tư tài sản vô hình (Mục 9000)

Mua phần mềm máy tính.

Đầu tư, xây dựng phần mềm máy tính.

Điều 28. Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn (Mục 9050)

1. Ô tô – Xe chuyên dùng.
2. Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng.
3. Điều hòa nhiệt độ.
4. Thiết bị tin học, máy photocopy, fax
5. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy...
6. Tài sản khác.

Điều 29. Sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí đầu tư (Mục 9100)

Sau khi được thông qua Hội đồng mua sắm và sửa chữa của Nhà trường duyệt, các hạng mục cần sửa chữa thực hiện theo quy trình quản lý công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà cửa được quy định tại Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về phân cấp quản lý Nhà nước đối với tài sản Nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị – xã hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động.

Chương III
CÁC KHOẢN THU PHÍ – LỆ PHÍ
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ – PHÂN PHỐI

Mục 1
THU HỌC PHÍ HỆ CHÍNH QUY

Điều 30. Học phí đối với sinh viên - học sinh khối cao đẳng – Trung cấp chuyên nghiệp

1. Mức thu:

Mức thu học phí sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành và sẽ được điều chỉnh theo từng học kỳ

2. Sử dụng quỹ học phí:

Quỹ học phí được phân bổ sử dụng như sau:

- 40% tổng thu: để thực hiện cải cách tiền lương
- 20% tổng thu: Chi tăng cường cơ sở vật chất.
- 20% tổng thu: Chi hỗ trợ giảng dạy, đào tạo và học bổng học sinh sinh viên.
- 20% tổng thu: Chi cho hoạt động khác và phúc lợi.

Điều 31. Học phí học sinh Trường Trung học phổ thông Lý Tự Trọng

1. Trường Trung học phổ thông Lý Tự Trọng là một đơn vị đào tạo, có thu học phí theo qui định hàng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo.

a) Khoản thu tại trường bao gồm:

- Thu học phí;
- Các khoản thu khác.

b) Nguyên tắc phân phối:

- Căn cứ vào các văn bản hiện hành về thu chi học phí;

- Để thực hiện việc quản lý thu, chi học phí vào sổ sách kịp thời, đối với Trường THPT Lý Tự Trọng sau khi thu học phí phải nộp về phòng Kế hoạch – Tài chính để tiến hành gửi Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định. Trường Trung học phổ thông Lý Tự Trọng có trách nhiệm lập dự toán thu, chi nguồn học phí, được sự phê duyệt của Ban Giám hiệu, đây là cơ sở thực hiện việc chi tiêu hoạt động từ nguồn này.

2. Nguồn thu học phí của Trung học phổ thông Lý Tự Trọng được phân bổ như sau:

a) Học phí: (Hệ THPT)

- 40% để lại thực hiện cải cách tiền lương;
- 10% nộp trường;
- 10% chi tăng cường cơ sở vật chất;
- 40% chi hoạt động giảng dạy, quản lý điều hành;

b) Thu: Hệ Trung học phổ thông

- Học phí: 120.000 đ/tháng

- c) Chi: Hệ Trung học phổ thông
- Tiết của giáo viên biên chế theo quy định chế độ công tác giáo viên và chi tiết cho giáo viên hợp đồng thỉnh giảng, dạy thay...;
 - Mức chi tiền tiết chính khóa (đối với giáo viên thỉnh giảng dạy hệ phổ thông)
 - + Khối 11: 50.000 đ/tiết
 - + Khối 12: 55.000 đ/tiết
 - Căn cứ theo số tiết thực dạy và chế độ công tác của giáo viên trên một tháng.
3. Thu và sử dụng tiền dạy thêm học thêm:
- a. Thu: 10.000 đồng/tiết/môn
- b. Chi:
- 65% chi cho giáo viên
 - 15% chi cho quản lý điều hành, trong đó:

STT	THÀNH PHẦN	Tỷ lệ (%)
1	CB quản lý điều hành trực tiếp	2.4%
2	CB quản lý gián tiếp	1.4%
3	Trưởng đơn vị phụ trách THPT	1.2%
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	2.2%
5	Phòng TC – HC – TH	0.4%
6	Phòng Thiết bị - Vật tư	0.3%
7	Phòng Quản trị - Dịch vụ	1.1%
8	Phòng Giáo vụ học vụ THPT	2.0%
9	Tổ QLHS	1.7%
10	Y tế	0.2%
11	GVCN	2.1%
	Tổng cộng	15.0%

- 20% chi khác, trong đó:
 - + Ngân sách chi thường xuyên: 12%
 - + Cơ sở vật chất: 8%

Mục 2 ĐÀO TẠO NGẮN HẠN

Điều 32: Học phí hệ đào tạo ngắn hạn

1. Mức thu:
 - a) Học phí: Tùy theo nghề đào tạo và bảng giá học phí do Hiệu trưởng duyệt;
 - b) Ôn thi nâng bậc nghề: Thu theo quy định hiện hành của trường.
 - c) Lệ phí:
- Lệ phí thi nâng bậc thợ: Thu theo quy định hiện hành của trường.

- Lệ phí cấp chứng chỉ: Thu theo quy định hiện hành của trường.

2. Tỷ lệ phân bổ trên tổng thu như sau:

a) Đào tạo ngắn hạn:

Do Nhà trường đầu tư toàn bộ cơ sở vật chất và máy móc thiết bị: Tỷ lệ phân bổ theo quy định hiện hành của trường.

b) Hợp đồng đào tạo:

Đối với các Công ty, Xí nghiệp, Nhà máy... tại Doanh nghiệp và tại trường: Tỷ lệ phân bổ theo quy định hiện hành của trường

c) Thi cấp giấy chứng nhận bậc nghề:

Tỷ lệ phân bổ theo quy định tạm hiện hành của trường.

d) Lệ phí cấp chứng chỉ:

Tỷ lệ phân bổ theo quy định hiện hành của trường.

Mục 3 **THU LỆ PHÍ**

Điều 33. Lệ phí tuyển sinh

Trong trường hợp thu không đủ bù chi, để đảm bảo hoạt động được thuận lợi, chênh lệch thiếu sẽ được chi bù từ quỹ phát triển sự nghiệp và quỹ học phí.

Trong trường hợp thu lớn hơn chi phần chênh lệch thừa sẽ được trích quỹ theo quy định.

Điều 34. Lệ phí đào tạo học lại, thi lại

1. Thu, chi lệ phí học trước, học lại học phần của học sinh, sinh viên:

a) Mức thu:

Đối với khóa đào tạo theo niên chế:

- Học phần lý thuyết: 170.000 đồng/đơn vị học trình (# 15 tiết).
- Học phần thực hành: 250.000đồng/đơn vị học trình (# 30 tiết).
- Đồ án môn học: 250.000 đồng/đơn vị học trình (# 45 tiết).

Đối với khóa đào tạo theo học chế tín chỉ:

- Học phần lý thuyết: 190.000 đồng/tín chỉ (# 15 tiết).
- Học phần thực hành: 280.000đồng/tín chỉ (# 30 tiết).
- Đồ án môn học: 280.000 đồng/ tín chỉ (# 45 tiết).

b) Chi:

Thù lao cho giảng viên: 70.000 đ/tiết lý thuyết; 50.000 đ/giờ thực hành

Nếu lớp dưới 20 SV (trường hợp không có tổ chức lớp học phần), phòng Tuyển sinh – Đào tạo – Giới thiệu việc làm đề xuất phương án trình Hiệu trưởng duyệt.

Chi 10% quản lý:

- | | |
|---|-----|
| - Quản lý cấp trường: | 2.0 |
| - Quản lý điều hành của khoa: | 1.6 |
| - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: | 1.6 |
| - Phòng Kế hoạch – Tài chính: | 1.2 |
| - Phòng TS – Đào tạo – GTVL: | 1.6 |

- Phòng Thanh tra giáo dục – Công tác Sinh viên 0.8
- Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp: 0.4
- Phòng Thiết bị – Vật tư 0.4
- Phòng Quản trị – Dịch vụ 0.4

Phần còn lại nhập vào quỹ phúc lợi và cơ sở vật chất Nhà trường

2. Thu, chi lệ phí thi lại học phần:

a) Mức thu:

- 50.000 đồng/học phần lý thuyết.
 - 80.000 đồng/học phần thực hành của Trung cấp chuyên nghiệp.
- Vật tư để thi, học sinh tự mua theo yêu cầu của bài thi.

b) Mức chi:

Coi thi lý thuyết: 60.000đ/GV/1 môn thi lý thuyết
 Coi thi thực hành: 90.000đ/GV/1 môn thi thực hành.
 Chấm thi lý thuyết, thực hành: 10.000 đ/bài/2 lượt chấm

Chi 10% quản lý:

- Quản lý cấp trường: 2.0
- Quản lý điều hành của khoa: 0.8
- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: 1.6
- Phòng Kế hoạch – Tài chính: 1.6
- Phòng TS – Đào tạo – GTVL: 1.2
- Phòng Thanh tra giáo dục – Công tác Sinh viên 1.6
- Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp: 0.4
- Phòng Thiết bị – Vật tư 0.4
- Phòng Quản trị – Dịch vụ 0.4

Phần còn lại nhập vào quỹ phúc lợi và cơ sở vật chất Nhà trường

3. Thu, chi lệ phí học ôn thi lại tốt nghiệp của học sinh, sinh viên (đối với lớp tổ chức riêng):

a) Mức thu:

- 15.000 đồng/1 tiết Lý thuyết.
- 15.000 đồng/1 tiết Thực hành.

Vật tư để thực hành học sinh, sinh viên tự mua theo yêu cầu bài tập của học phần thực hành.

b) Mức chi:

- Thù lao giảng dạy của GV: 60.000đ/tiết lý thuyết; 40.000đ/ giờ thực hành

Chi 10% quản lý:

- Quản lý cấp trường: 2.0
- Quản lý - điều hành của Khoa: 1.4
- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: 1.4
- Phòng Kế hoạch – Tài chính: 1.4
- Phòng TS – Đào tạo – GTVL: 1.2
- Phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên 1.4
- Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp: 0.4

- Phòng Quản trị – Dịch vụ 0.4
- Phòng Thiết bị – Vật tư 0.4

Phần còn lại nhập vào quỹ phúc lợi và cơ sở vật chất Nhà trường

4. Thu, chi lệ phí thi lại tốt nghiệp bậc cao đẳng, thi lại tốt nghiệp các môn Lý thuyết bậc trung cấp chuyên nghiệp:

a) Mức thu: 100.000 đồng/môn thi

b) Mức chi:

- | | |
|--|-----|
| Ra đề, coi, chấm thi: | 40% |
| - Hội đồng thi: | 10% |
| - Văn phòng phẩm: | 02% |
| - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: | 08% |
| - Phòng TS – Đào tạo – GTVL: | 04% |
| - Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp: | 04% |
| - Phòng Thanh tra giáo dục – CTSV: | 04% |
| - Phòng Kế hoạch – Tài chính: | 04% |
| - Phòng Quản trị – Dịch vụ: | 04% |
| - Quỹ phúc lợi và cơ sở vật chất: | 20% |

5. Thu, chi lệ phí thi lại tốt nghiệp môn thực hành nghề bậc đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp:

a) Mức thu: 150.000 đồng/môn thi (Vật tư thi, HS-SV tự mua theo yêu cầu của bài thi thực hành)

b) Mức chi:

- | | |
|--|-----|
| - Giáo viên coi, chấm thi và quản lý Khoa: | 40% |
| - Hội đồng thi: | 10% |
| - Phòng TS – Đào tạo – GTVL: | 04% |
| - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: | 04% |
| - Phòng Thanh tra giáo dục – CTSV: | 04% |
| - Phòng Thiết bị – Vật tư: | 05% |
| - Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp: | 04% |
| - Phòng Kế hoạch – Tài chính: | 05% |
| - Phòng Quản trị – Dịch vụ: | 04% |
| - Quỹ phúc lợi và cơ sở vật chất: | 20% |

6. Thu, chi lệ phí chấm phúc khảo thi tốt nghiệp của học sinh, sinh viên

a) Mức thu: 30.000 đồng/môn.

b) Mức chi:

- | | |
|--|-----|
| - Chấm phúc khảo: | 65% |
| - Chuẩn bị hồ sơ, biểu mẫu, danh sách GV chấm thi: | 08% |
| - Tổ chức điều hành: | 09% |
| - Thư ký chấm phúc khảo: | 08% |
| - Ghi danh, thu lệ phí: | 05% |
| - Quản lý thu, chi: | 05% |

Mục 4

THU HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Điều 35. Thu các hoạt động khai thác cơ sở vật chất

1. Các khoản thu khai thác cơ sở vật chất gồm:
 - Thu từ mặt bằng bãi xe, căn tin.
 - Thu khác (nếu có).
2. Nguyên tắc thu:
 - Trường tổ chức đấu thầu mặt bằng bãi xe, căn tin theo nguyên tắc công khai.
 - Các hợp đồng trúng thầu thu theo tháng, có ký quỹ bảo đảm thanh toán đúng hạn.
3. Phân phối:

Nguồn thu này được chi cho quỹ phúc lợi và cơ sở vật chất sau khi đã trừ đi nghĩa vụ thuế và các chi phí liên quan đến hoạt động này.

Mục 5

CÁC KHOẢN THU ĐIỆN – NƯỚC TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Điều 36. Các khoản thu điện – nước

Các khoản thu điện nước từ việc khai thác cơ sở vật chất của Nhà trường hàng tháng. Các khoản thu này được sử dụng để chi trả tiền điện nước cho các cơ sở thuê theo giấy báo của điện lực, chi trả các khoản sửa chữa, đầu tư phát triển các hạng mục liên quan đến đường dây điện, trạm biến áp và các chi phí có liên quan về điện, nước.

Số tiền chênh lệch được sử dụng đưa vào quỹ phúc lợi Nhà trường.

Chương IV

TRÍCH LẬP QUỸ

Căn cứ vào các quy định về phân bổ nguồn thu ngoài ngân sách;

Căn cứ vào mức tiết kiệm ngân sách hàng năm.

Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định; phân chênh lệch thu lớn hơn chi (thu, chi hoạt động thường xuyên), Trường sẽ trích lập các quỹ theo trình tự như sau:

Điều 37. Trích lập quỹ

1. Trường hợp chênh lệch thu lớn hơn một lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm được sử dụng như sau:

a) Trích tối thiểu 25% số chênh lệch thu lớn hơn chi để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động (lao động trong biên chế và lao động hợp đồng từ 1 năm trở lên), nhưng tối đa không quá 02 lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm do nhà nước quy định.

c) Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập. Đối với Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi mức trích tối đa hai Quỹ không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân trong năm.

2. Trường hợp chênh lệch thu lớn hơn chi bằng hoặc nhỏ hơn một lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ được sử dụng như sau:

a) Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

b) Trích lập các quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (không khống chế mức trích tối thiểu 25% chênh lệch thu lớn hơn chi), Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập. Đối với Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi mức trích tối đa hai Quỹ không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân trong năm.

Chương V

PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THU NHẬP TĂNG THÊM

Điều 38. Phân bổ thu nhập hàng tháng ngoài lương:

1. Cơ sở thực hiện:

Việc thực hiện phương án tăng thu nhập cho CB-VC-NLĐ của Nhà trường được thực hiện trên các tiêu chí như sau:

- Nguồn kinh phí do kết quả lao động 1 năm tài chính của tập thể Nhà trường tạo ra và tích lũy được.

- Thực hiện theo Thông tư 81/2006/TT-BTC ngày 6 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính, và các văn bản pháp luật khác của Nhà nước.

2. Đối tượng được hưởng thu nhập tăng thêm:

a) Cán bộ, viên chức và người lao động đang hưởng lương theo chế độ ngạch, bậc, hệ số tại trường. Không áp dụng với lao động hợp đồng khoán của trường.

b) Cán bộ, viên chức và người lao động nghỉ việc riêng ngoài phép năm không hưởng lương được nhà trường chấp nhận, không được hưởng thu nhập tăng thêm tương ứng với thời gian được nghỉ.

c) Phương án chi trả thu nhập tăng thêm được xác định trên cơ sở:

- Hệ số theo thời gian công tác: Được tính bằng hệ số lương theo ngạch bậc, phụ cấp thâm niên vượt khung.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Hệ số theo} & & \text{Hệ số lương} & & \text{Phụ cấp} \\ \text{thời gian} & = & \text{theo ngạch,} & + & \text{thâm niên} \\ \text{công tác} & & \text{bậc} & & \text{vượt khung} \end{array}$$

- Hệ số theo vị trí công tác: Được tính bằng hệ số phụ cấp chức vụ và hệ số phụ cấp trách nhiệm.

- Hệ số bình chọn và xếp loại theo chất lượng công tác: Được xác định trên cơ sở bình xét thi đua khen thưởng vào cuối năm học.

+ Loại A : Được hưởng 100% tiền thu nhập tăng thêm của CB-VC

+ Loại B : Được hưởng 60% tiền thu nhập tăng thêm của CB-VC

+ Loại C : Được hưởng 20% tiền thu nhập tăng thêm của CB-VC

+ Loại D : Được hưởng 10% tiền thu nhập tăng thêm của CB-VC

+ Loại E : Được hưởng 6% tiền thu nhập tăng thêm của CB-VC

Cách tính:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số thu nhập} \\ \text{tăng thêm} \\ \text{của cá nhân} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{theo thời gian} \\ \text{công tác} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{theo vị trí} \\ \text{công tác} \end{array} \right] \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \%} \\ \text{theo kết quả} \\ \text{xếp loại công tác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức chi} \\ \text{bình quân cho} \\ \text{một hệ số} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng mức chi} \\ \text{thu nhập} \\ \text{tăng thêm} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Tổng hệ số} \\ \text{thu nhập} \\ \text{tăng thêm} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tăng thêm} \\ \text{của cá nhân} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Hệ số thu nhập} \\ \text{tăng thêm} \\ \text{của cá nhân} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức chi} \\ \text{bình quân cho} \\ \text{một hệ số} \end{array}$$

Ghi chú:

- Tiền thu nhập tăng thêm được áp dụng đối với cán bộ, viên chức và người lao động đã công tác liên tục tại trường trên 12 tháng (tính hưởng thu nhập tăng thêm bắt đầu vào tháng thứ 13 kể từ khi cá nhân làm việc tại trường).
- Cán bộ, viên chức và người lao động đi học ngắn ngày: học bồi dưỡng chính trị hoặc chuyên môn nghiệp vụ theo sự phân công của Trường, thời gian đi học được tính như thời gian đi công tác.
- Cán bộ, viên chức và người lao động tự xin đi học dài hạn tập trung: học tại chức, cao học, du học nước ngoài..., không được tính hệ số để trả thu nhập tăng thêm. Tùy từng trường hợp cụ thể do Hiệu trưởng quyết định.
- Nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân, bất kỳ tại thời điểm nào thì không xét và không xếp loại thi đua và không được hưởng thu nhập tăng thêm.
- Trường hợp nghỉ hộ sản mà bản thân có đăng ký thi đua:
 - + Sau khi nghỉ hộ sản xong, chấp hành đầy đủ các nội quy, quy chế của Nhà trường và quy định về thi đua khen thưởng: Hội đồng thi đua Nhà trường xếp loại cao nhất - loại A để tính hưởng thu nhập tăng thêm theo số tháng làm việc.
 - + Sau khi nghỉ hộ sản xong, không chấp hành đầy đủ các nội quy, quy chế của Nhà trường và quy định về thi đua khen thưởng: Hội đồng thi đua Nhà trường tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ xếp loại để tính hưởng thu nhập tăng thêm.
- Trường hợp cán bộ, viên chức, người lao động nghỉ bệnh, nghỉ không hưởng lương do bệnh mà bản thân có đăng ký thi đua:
 - + Sau khi nghỉ bệnh xong, chấp hành đầy đủ các nội quy, quy chế của Nhà trường và quy định về thi đua khen thưởng: Hội đồng thi đua Nhà trường xếp loại thi đua theo xếp loại thi đua năm học đó để tính hưởng thu nhập tăng thêm theo số tháng làm việc.
 - + Sau khi nghỉ bệnh xong, không chấp hành đầy đủ các nội quy, quy chế của Nhà trường và quy định về thi đua khen thưởng: Hội đồng thi đua Nhà trường tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ xếp loại để tính hưởng thu nhập tăng thêm.
- Trường hợp cán bộ, viên chức nghỉ hưu, nghỉ hết tuổi lao động, chuyển công tác thì tính từ đầu năm tài chính đến tháng có quyết định nghỉ hưu hoặc chuyển chuyển.

- Những trường hợp nghỉ hưu có tái ký hợp đồng với trường:
 - + Nếu ký hợp đồng theo năm (diện hợp đồng trường) thì bắt đầu tính từ tháng ký hợp đồng (hệ số lương mới).
 - + Nếu ký hợp đồng theo diện khoán thì Nhà trường sẽ không tính để trả thu nhập tăng thêm.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016. Các chỉ tiêu chi cho con người trong quy chế này có thể được điều chỉnh (Tăng hoặc giảm) theo tình hình kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp khác của trường.

Điều 40. Quy định điều khoản thi hành

Quy chế này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, các quy định trước đây trái với quy định này đều được bãi bỏ.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa được quy định trong Quy chế chi tiêu này sẽ được Hiệu trưởng quyết định cụ thể, trong quá trình thực hiện nếu có nội dung nào không phù hợp sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Hiệu trưởng.

Đối với các định mức chi tiêu được thực hiện theo các định mức của Nhà nước, trong trường hợp Nhà nước có điều chỉnh, thì mặc nhiên định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường cũng sẽ được hiệu chỉnh cho phù hợp.

Quy chế này được gửi đến Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Kho bạc Nhà nước quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh nơi Trường mở tài khoản và đến các đơn vị trong toàn trường theo quy định hiện hành./.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc